

Số: 52/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV&TT

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp Học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trong học kỳ 2
năm học 2024- 2025**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐT ngày 23/06/2025 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long”;

Căn cứ Quyết định số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống đào tạo quốc dân;

Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 26/02/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành Quy định xét thi đua, khen thưởng, học bổng và trợ cấp học tập cho sinh viên đại học chính quy

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng xét Rèn luyện, Học bổng và Trợ cấp học tập cho sinh viên học kỳ 2 năm học 2024- 2025 họp vào ngày 03/10/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập cho **447** sinh viên đạt thành tích học tập và rèn luyện Khá, Giỏi, Xuất sắc trong học kỳ 2 năm học 2024- 2025 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Công tác sinh viên và Truyền thông, Trưởng phòng Đào tạo và đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các Phòng, Khoa liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, Phòng CTSV&TT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 45 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2024 - 2025

(Kèm theo quyết định số: 52/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV&TT ngày 15 tháng 10 năm 2025)

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
1. ĐH.TY 2020										
1	20010108	Lê Nguyễn Tú Uyên	Tốt	3.83	Giỏi	207.500	12	2.490.000	12	

Danh sách gồm có 01 sinh viên

Vinh Long, ngày 15 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 46 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2024 - 2025

(Kèm theo quyết định số: 52/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV&TT ngày 15 tháng 10 năm 2025)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCH T HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
1.ĐH.CNKTOTOTO 2021											
1	21001076	Đỗ Thành	Tiền	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	13	4.046.250	13	
2	21001028	Lê Văn	Luân	Tốt	3,86	Giỏi	207.500	13	2.697.500	13	
3	21001364	Lưu Minh	Quốc	Tốt	3,71	Giỏi	207.500	13	2.697.500	13	
4	21001064	Lê Thanh	Liêm	Tốt	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
5	21001052	Nguyễn Lê	Mẫn	Tốt	3,55	Giỏi	207.500	11	2.282.500	11	
6	21001059	Quách Nhật	Giang	Tốt	3,55	Giỏi	207.500	11	2.282.500	11	
7	21001042	Phạm Hữu	Tiền	Tốt	3,50	Giỏi	207.500	11	2.282.500	11	
8	21001056	Nguyễn Nhật	Lam	Tốt	3,50	Giỏi	207.500	11	2.282.500	11	
9	21001258	Thạch Minh	Toàn	Tốt	3,41	Giỏi	207.500	11	2.282.500	11	
10	21001023	Nguyễn Hoàng	Duy	Tốt	3,38	Giỏi	207.500	16	3.320.000	16	
11	21001527	Trần Nhật	Linh	Tốt	3,38	Giỏi	207.500	13	2.697.500	13	
12	21001641	Đoàn Minh	Thiện	Tốt	3,38	Giỏi	207.500	13	2.697.500	13	
13	21001644	Phan Nhật	Trường	Tốt	3,29	Giỏi	207.500	14	2.905.000	14	
14	21201006	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	Tốt	3,28	Giỏi	207.500	16	3.320.000	16	
15	21001002	Huỳnh Hoàng	Huy	Tốt	3,25	Giỏi	207.500	12	2.490.000	12	
16	21001070	Nguyễn Thảo	Vi	Tốt	3,25	Giỏi	207.500	12	2.490.000	12	
17	21001215	Nguyễn Phúc	Thịnh	Khá	3,41	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
18	21001088	Hồ Thanh	Dân	Khá	3,23	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
19	21001373	Võ Cao	Thịnh	Khá	3,19	Khá	103.750	13	1.348.750	13	
20	21001035	Nguyễn Khánh	Triều	Khá	3,18	Khá	103.750	11	1.141.250	11	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCH T HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
21	21001062	Lê Vũ Trường	Vi	Khá	3,18	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
22	21001026	Ngô Hữu	Tín	Khá	3,12	Khá	103.750	12	1.245.000	12	
23	21001038	Nguyễn Hoàng	Khang	Khá	3,12	Khá	103.750	13	1.348.750	13	
24	21001452	Lê Trí	Phuong	Khá	3,11	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
25	21001687	Phạm Đăng	Khoa	Khá	3,11	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
26	21001317	Phạm Trương Gia	Bảo	Khá	3,07	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
27	21001532	Nguyễn Thế	Luân	Khá	3,07	Khá	103.750	15	1.556.250	15	
28	21001017	Phạm Thành	Luân	Khá	3,00	Khá	103.750	15	1.556.250	15	
29	21001112	Nguyễn Văn	Tới	Khá	3,00	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
30	21001065	Nguyễn Nhật	Tân	Khá	2,97	Khá	103.750	15	1.556.250	15	
31	21001444	Nguyễn Mạnh	Hùng	Khá	2,96	Khá	103.750	17	1.763.750	23	
32	21001381	Nguyễn Thanh	Bạch	Khá	2,95	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
33	21001433	Huỳnh Văn Nhật	Hào	Khá	2,92	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
34	21001155	Mai Thanh	Lịch	Khá	2,91	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
35	21001148	Hồ Tấn	Đạt	Khá	2,88	Khá	103.750	16	1.660.000	16	
36	21001239	Lý Anh	Quý	Khá	2,88	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
37	21001547	Ngô Thị Kim	Thoa	Khá	2,86	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
38	21001658	Phạm Ngô Hải	Son	Khá	2,86	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
39	21801030	Võ Phạm Minh	Thái	Khá	2,86	Khá	103.750	12	1.245.000	12	
40	21001562	Son Đức	Trung	Khá	2,85	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
41	21001156	Trương Triệu	Tuấn	Khá	2,82	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
42	21001425	Dương Văn	Hòa	Khá	2,82	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
43	21001657	Cao Ngọc	Quý	Khá	2,82	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
44	21001169	Nguyễn Tiến	Thành	Khá	2,81	Khá	103.750	16	1.660.000	16	
45	21001482	Kim Khánh	Huy	Khá	2,80	Khá	103.750	16	1.660.000	16	
46	21001123	Phạm Minh	Quân	Khá	2,77	Khá	103.750	13	1.348.750	13	
47	21001557	Nguyễn Minh	Sang	Khá	2,77	Khá	103.750	13	1.348.750	13	
48	21001073	Nguyễn Quốc	Thái	Khá	2,74	Khá	103.750	17	1.763.750	17	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCH T HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
49	21201002	Danh Tùng	Lâm	Khá	2,74	Khá	103.750	17	1.763.750	17	

2.ĐH.CN CTM 2021

50	21002007	Lê Quang	Mạnh	Khá	3,04	Khá	103.750	13	1.348.750	13	
51	21002012	Lê Ngọc	Lợi	Khá	3,04	Khá	103.750	14	1.452.500	14	

3.ĐH.CNKT ĐĐT 2021

52	21003070	Võ Tấn	Thành	Xuất sắc	3,65	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	21	
53	21003081	Lê Đình	Tài	Tốt	3,58	Giỏi	207.500	12	2.490.000	12	
54	21003059	Nguyễn Văn	Lực	Tốt	3,42	Giỏi	207.500	14	2.905.000	14	

4.ĐH.CNTT 2021

55	21004235	Nguyễn Tuấn	Trọng	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	14	4.357.500	14	
56	21004290	Trần Quốc	Huy	Xuất sắc	3,78	Xuất sắc	311.250	16	4.980.000	16	
57	21004227	Võ Ngọc Tường	Vy	Xuất sắc	3,76	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	21	
58	21004204	Trần Hoài	Phong	Xuất sắc	3,62	Xuất sắc	311.250	13	4.046.250	13	
59	21004111	Hứa Quốc	Thái	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	15	3.112.500	15	
60	21004113	Tuyết Như	Ngọc	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	15	3.112.500	15	
61	21004169	Sơn Xuân	Đi	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	14	2.905.000	14	
62	21004170	Lê Thị Anh	Thơ	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
63	21004171	Phan Minh	Thắng	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
64	21004173	Trần Phúc	Vinh	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	

5.ĐH.CNTP 2021

65	21005081	Phạm Thị Thanh	Mỹ	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	11	2.282.500	11	
66	21005026	Huỳnh Mai Quế	Anh	Tốt	3,91	Giỏi	207.500	16	3.320.000	16	
67	21005041	Nguyễn Thị Kim	Chi	Tốt	3,91	Giỏi	207.500	16	3.320.000	16	
68	21005051	Đoàn Minh	Hương	Tốt	3,82	Giỏi	207.500	11	2.282.500	11	
69	21005056	Phạm Thị Diễm	Suong	Tốt	3,71	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
70	21005055	Phạm Thị Tuyết	Linh	Tốt	3,68	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCH T HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
71	21005100	Đặng Ngọc Thanh	Thảo	Tốt	3,42	Giỏi	207.500	12	2.490.000	12	

6.ĐH.CNKT CĐT 2021

72	21006005	Lê Anh	Kiệt	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	311.250	13	4.046.250	13	
73	21006011	Lâm Tiến	Đạt	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	311.250	13	4.046.250	13	

7.ĐH.CNKT TĐH 2021

74	21007039	Hồ Nhật	Anh	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	12	2.490.000	12	
75	21007042	Nguyễn Văn Thanh	Lượng	Khá	2,69	Khá	103.750	16	1.660.000	16	

8.ĐH.CNKT CK 2021

76	21008083	Nguyễn Phúc	An	Tốt	3,23	Giỏi	207.500	11	2.282.500	11	
77	21008013	Nguyễn Huỳnh Hưng	Long	Khá	3,03	Khá	103.750	16	1.660.000	16	
78	21008050	Nguyễn Hoàng	Bảo	Khá	2,50	Khá	103.750	13	1.348.750	13	

9.ĐH.TY 2021

79	21010059	Nguyễn Ngân	Khanh	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	26	
80	21010076	Phạm Thị Ngọc	Duyên	Xuất sắc	3,79	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	23	
81	21010133	Lê Thị Kiều	Tiên	Xuất sắc	3,79	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	23	
82	21010114	Nguyễn Thành	Nguyễn	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
83	21010065	Huê Nguyễn	Phương	Tốt	3,97	Giỏi	207.500	16	3.320.000	16	

10.ĐH.CNKTN 2021

84	21013055	Trần Thành	Dinh	Khá	3,17	Khá	103.750	12	1.245.000	12	
85	21013067	Nguyễn Thái	Ngọc	Khá	3,11	Khá	103.750	14	1.452.500	14	
86	21013070	Nguyễn Công	Danh	Khá	2,92	Khá	103.750	13	1.348.750	13	
87	21013059	Trần Phước	An	Khá	2,81	Khá	103.750	16	1.660.000	16	

11.ĐH.CNSH 2021

88	21014022	Nguyễn Hoàng	Hân	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	13	4.046.250	13	
----	----------	--------------	-----	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

12.ĐH.DL 2021

89	21015001	Trần Thị Tuyết	Trang	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	13	4.046.250	13	
----	----------	----------------	-------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCH T HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
90	21015018	Trương Thị Ánh	Mai	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	18	
91	21015019	Trần Thành	Đạt	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	13	2.697.500	13	

13.ĐH.KINH TẾ 2021

92	21017168	Tô Nguyễn Mai	Phuong	Khá	2,96	Khá	103.750	12	1.245.000	12	
93	21017009	Võ Thanh	Phong	Khá	2,87	Khá	103.750	17	1.763.750	26	
94	21017017	Huỳnh Bảo	Thi	Khá	2,75	Khá	103.750	12	1.245.000	12	
95	21017015	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Khá	2,59	Khá	103.750	11	1.141.250	11	
96	21017209	Nguyễn Trần Mỹ	Nhi	Khá	2,50	Khá	103.750	13	1.348.750	13	

14.ĐH.LUẬT 2021

97	21018045	Nguyễn Thị Huệ	Huong	Xuất sắc	3.64	Xuất sắc	311.250	11	3.423.750	11	
----	----------	----------------	-------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

15.ĐH.CKĐL 2021

98	21019032	Phạm Hoàng	Phúc	Tốt	3,06	Khá	103.750	17	1.763.750	17	
99	21019025	Phạm Quốc	Thới	Tốt	2,85	Khá	103.750	17	1.763.750	17	

16.ĐH.QTDVDLVLH 2021

100	21021043	Nguyễn Quế	Huong	Xuất sắc	3.64	Xuất sắc	311.250	14	4.357.500	14	
-----	----------	------------	-------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

17.ĐH.KHMT 2021

101	21022010	Lê Nguyễn Quang	Bình	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	14	2.905.000	14	
102	21022019	Huỳnh Bảo	Thắng	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	15	3.112.500	15	

18.ĐH.SPCN 2021

103	21023011	Liên Thảo	Vy	Xuất sắc	3.94	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	
-----	----------	-----------	----	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

Danh sách gồm có 103 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2024 - 2025

(Kèm theo quyết định số: 52/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV&TT ngày 15 tháng 10 năm 2025)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
. ĐH.CNKT OTO 2022											
1	22001456	Phan Hữu	Văn	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
2	22001377	Nguyễn Trọng	Phú	Tốt	3,76	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
3	22001199	Nguyễn Trần Đại	Lợi	Tốt	3,71	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
4	22001092	Lê Tiến	Phát	Tốt	3,69	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
5	22001409	Huỳnh Tiến	Thành	Tốt	3,67	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
6	22001071	Nguyễn Duy	Khang	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
7	22001089	Nguyễn Thành	Tiến	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
8	22001435	Võ Tấn	Minh	Tốt	3,64	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
9	22001227	Nguyễn Phú	Quốc	Tốt	3,63	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
10	22001058	Lê Hoàng	Mạnh	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
11	22001221	Lê Chí	Nhon	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
12	22001458	Nguyễn Thế	Hào	Tốt	3,52	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
13	22001481	Võ Văn Duy	Khanh	Tốt	3,50	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
14	22801031	Nguyễn Văn	Sắc	Tốt	3,50	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
15	22001600	Lê Hoàng	Nhân	Tốt	3,47	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
16	22201006	Trần Gia	Phú	Tốt	3,47	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
17	22001202	Nguyễn Ngọc	Huyền	Tốt	3,44	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
18	22001222	Cù Tấn Hoàng	Duy	Tốt	3,42	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
19	22001272	Phan Hữu	Tín	Tốt	3,42	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
20	22001588	Tôn Minh	Nhật	Tốt	3,40	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
21	22001412	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Tốt	3,38	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
22	22001544	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	Tốt	3,37	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
23	22001200	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Tốt	3,36	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
24	22001337	Nguyễn Thành	Trung	Tốt	3,36	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
25	22001534	Phan Huỳnh Khang	Linh	Tốt	3,36	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
26	22001495	Lý Xuân Hoàng	Dân	Tốt	3,35	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
27	22001523	Nguyễn Quốc	Chương	Tốt	3,35	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
28	22801008	Nguyễn Ngọc	Trang	Tốt	3,34	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
29	22001330	Thái Hoàng	Phúc	Tốt	3,33	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
30	22801010	Bùi Quốc	Thái	Tốt	3,33	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
31	22001172	Nguyễn Hoàng	Phúc	Tốt	3,26	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
32	22801011	Huỳnh Nhật	Tân	Tốt	3,26	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	

ĐH.CN CTM 2022

33	22002005	Phan Minh	Thành	Tốt	3,41	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
----	----------	-----------	-------	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

ĐH.CNKTTĐĐT 2022

34	22003099	Võ Trần Tuyết	Nhi	Xuất sắc	3,92	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
35	22003078	Huỳnh Hồng	Son	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	
36	22003033	Trần Huệ	Mẫn	Xuất sắc	3,79	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	
37	22003025	Võ Quốc	Thái	Tốt	3,91	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	

ĐH.CNTT 2022

38	22004010	Hồ Chế	Thanh	Xuất sắc	3,68	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	
----	----------	--------	-------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
39	22004294	Trịnh Khắc	Nhật	Xuất sắc	3,68	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
40	22004297	Trương Minh	Thư	Xuất sắc	3,61	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
41	22004027	Hồ Gia	Huy	Tốt	3,76	Giỏi	207.500	17	3.527.500	26	
42	22004313	Nguyễn Minh	Tuyền	Tốt	3,75	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
43	22004014	Trần Tiến	Đạt	Tốt	3,73	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
44	22004124	Trương Tấn	Phát	Tốt	3,63	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
45	22004121	Trương Thị Anh	Thư	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
46	22004335	Nguyễn Tuấn	Anh	Xuất sắc	3,59	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
47	22004290	Võ Hoàng Tấn	Phát	Xuất sắc	3,58	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
48	22004046	Dương Anh	Văn	Tốt	3,57	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
49	22004003	Nguyễn Thị	Vàng	Xuất sắc	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
50	22004153	Nguyễn Kim	Hân	Xuất sắc	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	

ĐH.CNTP 2022

51	22005090	Phạm Thị Mỹ	Ái	Xuất sắc	3,89	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
52	22005116	Nguyễn Diễm	Huỳnh	Tốt	3,89	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
53	22005089	Nguyễn Thành	Đạt	Tốt	3,83	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
54	22005125	Trần Thị Thúy	Oanh	Tốt	3,83	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
55	22005035	Đoàn Yến	Thu	Tốt	3,78	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
56	22005117	Ngô Nhật	Vy	Tốt	3,74	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	

ĐH.CNKTCĐT 2022

57	22006011	Lê Duy	Khánh	Tốt	3,43	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
58	22006024	Huỳnh Hoàng	Gia	Tốt	3,41	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	

ĐH.CNKTDK&TĐH 2022

59	22007004	Lê Chí	Kiệt	Xuất sắc	3,79	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	
----	----------	--------	------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
60	22007005	Dương	Quốc	Xuất sắc	3,78	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
61	22007002	Đặng Thanh	Phát	Xuất sắc	3,74	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	

8. ĐH.CNKTCCK 2022

62	22808015	Nguyễn Chí	Thanh	Xuất sắc	3,74	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
63	22808002	Bùi Nguyễn Thiên	Tài	Tốt	3,82	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
64	22808008	Trần Ngọc	Minh	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
65	22008017	Huỳnh Phạm Đức	Duy	Tốt	3,58	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
66	22208001	Phan Đăng	Minh	Tốt	3,44	Giỏi	207.500	17	3.527.500	25	

9. ĐH.TY 2022

67	22010013	Trịnh Minh	Thái	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
68	22010010	Nguyễn Ngọc	Anh	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	
69	22010044	Đỗ Trần Phước	Tiến	Xuất sắc	3,65	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	23	
70	22010016	Lê Thị Lan	Thư	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
71	22010072	Phan Ngọc	Phúc	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
72	22010096	Nguyễn Thanh	Hiền	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	

10. ĐH.CTXH 2022

73	22011004	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	Xuất sắc	3,82	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	18	
----	----------	-----------------	----	----------	-------------	----------	---------	----	-----------	----	--

11. ĐH.CNKTN 2022

74	22013009	Nguyễn Quốc	Cường	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
75	22013029	Trần Tuấn	An	Khá	3,31	Khá	103.750	17	1.763.750	18	
76	22013006	Nguyễn Đăng	Khoa	Khá	3,22	Khá	103.750	17	1.763.750	18	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
77	22013044	Trần Hoàng	Tín	Khá	3,19	Khá	103.750	17	1.763.750	17	

12.ĐH.CNSH 2022

78	22014001	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	Tốt	3,81	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
----	----------	-----------------	-----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

13.ĐH.DL 2022

79	22015023	Lê Công Tấn	Tỷ	Tốt	3,75	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
----	----------	-------------	----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

14.ĐH.KINH TẾ 2022

80	22017057	Trần Nguyễn Minh	Khiêm	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	
81	22017074	Lê Trúc Huệ	Quyên	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	18	
82	22017092	Lê Minh	Thư	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	23	
83	22017047	Trần Thị Tường	Vy	Xuất sắc	3,61	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
84	22017221	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
85	22017226	Nguyễn Kiều	Nhi	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
86	22017218	Cao Thị Xuân	Mai	Tốt	3,88	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
87	22017026	Trần Lê Nguyên	Khang	Tốt	3,84	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
88	22017091	Phạm Trương Thanh	Tú	Tốt	3,84	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
89	22017025	Hồ Thị Thúy	Tuyền	Tốt	3,74	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
90	22017133	Nguyễn Phan Tuyết	Anh	Tốt	3,74	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	

15.ĐH LUẬT 2022

91	22018006	Trần Thị Mỹ	Tiên	Khá	3,11	Khá	103.750	17	1.763.750	18	
92	22018035	Lê Thị Kim	Trúc	Khá	3,08	Khá	103.750	17	1.763.750	21	
93	22018004	Lê Thị Trúc	Như	Khá	3,00	Khá	103.750	17	1.763.750	24	
94	22018028	Nguyễn Phước	Duy	Khá	2,94	Khá	103.750	17	1.763.750	18	
95	22018043	Nguyễn Thiện Huyền	Trân	Khá	2,91	Khá	103.750	17	1.763.750	17	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
----	------	-----------	--	-----------------	----------------------	---------------	--	----------	---------------------------------	-------------------------	------------

16.ĐH CNKT CKĐL 2022

96	22019014	Đinh Anh	Kỳ	Tốt	3,31	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
----	----------	----------	----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

17.ĐH KTCTXD 2022

97	22020012	Mai Duy	Hiếu	Tốt	3,71	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
----	----------	---------	------	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

18.ĐH.QTDVDLVLH 2022

98	22021004	Nguyễn Thanh	Thúy	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	21	
----	----------	--------------	------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

19.ĐH.CNKT OTO ĐIỆN 2022

99	22026009	Nguyễn Ngọc	Trí	Khá	3,16	Khá	103.750	17	1.763.750	19	
100	22026007	Lê Tấn	Đạt	Khá	3,08	Khá	103.750	17	1.763.750	19	

20.ĐH.Logistic&QLCCU 2022

101	22027001	Đoàn Như	Tuyết	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	ĐẠO Y
102	22027020	Võ Văn	Hiếu	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	
103	22027023	Lê Tình	Ý	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	

21.ĐH.KDQT 2022

104	22028008	Đoàn Thị Kim	Ly	Tốt	3,42	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
-----	----------	--------------	----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

22.ĐH.TTĐPT 2022

105	22029011	Phạm Ngân	Tâm	Tốt	3,88	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
-----	----------	-----------	-----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

Danh sách gồm có 105 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2024 - 2025

(Kèm theo quyết định số: 52/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV&TT ngày 15 tháng 10 năm 2025)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
1.ĐH.CNKTOTO 2023											
1	23001363	Tô Minh	Toàn	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	24	
2	23801026	Phạm Công	Thuần	Xuất sắc	3,61	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	27	
3	23001405	Phạm Tiến	Đạt	Tốt	3,91	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
4	23001404	Nguyễn Minh	Thư	Tốt	3,86	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
5	23001575	Nguyễn Hùng	Vỹ	Tốt	3,86	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
6	23001505	Trần Huỳnh Gia	Hưng	Tốt	3,84	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
7	23801028	Đặng Minh	Khôi	Tốt	3,82	Giỏi	207.500	17	3.527.500	25	
8	23001507	Nguyễn Võ Nhật	Duy	Tốt	3,77	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
9	23001027	Nguyễn Văn	Trọng	Tốt	3,74	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
10	23001028	Lê Thanh	Bình	Tốt	3,74	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
11	23001563	Đặng Trần Nguyên	Vĩ	Tốt	3,71	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
12	23801061	Trần Nghĩa	Nhân	Tốt	3,71	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
13	23801054	Nguyễn Hoàng	Phúc	Tốt	3,67	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
14	23001490	Nguyễn Anh	Phú	Tốt	3,63	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
15	23801001	Huỳnh Trần Thảo	Vân	Tốt	3,61	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
16	23001035	Trần Bảo	Trường	Tốt	3,57	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
17	23001475	Nguyễn Minh	Nhật	Xuất sắc	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
18	23001314	Huỳnh Thanh	Tâm	Tốt	3,55	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
19	23001332	Phan Chí	Thiện	Tốt	3,53	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
20	23001527	Trần Gia	Thịnh	Xuất sắc	3,53	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
21	23001210	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	Tốt	3,52	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
22	23001529	Nguyễn Duy	Khương	Tốt	3,50	Giỏi	207.500	17	3.527.500	25	
23	23001538	Phạm Thanh	Trung	Tốt	3,50	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
24	23801035	Ngô Minh	Hoàng	Xuất sắc	3,50	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
25	23001074	Nguyễn Hữu	Đức	Tốt	3,48	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
26	23001410	Huỳnh Khâi	Minh	Tốt	3,47	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
27	23001125	Hồ Vũ	Khương	Tốt	3,46	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
28	23001388	Trần Tiến	Đạt	Tốt	3,45	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
29	23001443	Nguyễn Duy	Ninh	Tốt	3,45	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
30	23001591	Nguyễn Tuấn	Khanh	Tốt	3,44	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
31	23001146	Phạm Đăng	Huy	Tốt	3,43	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
32	23001582	Nguyễn Tấn	Phát	Tốt	3,42	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	

2.ĐH.CNCTM 2023

33	23002010	Nguyễn Văn	Trường	Tốt	3,68	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
----	----------	------------	--------	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

3.ĐH.CNKTTĐĐT 2023

34	23003027	Võ Tấn	Đạt	Tốt	3,92	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
35	23003054	Dương Trường	Phúc	Tốt	3,79	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
36	23803002	Lê Hùng	Khanh	Tốt	3,67	Giỏi	207.500	17	3.527.500	26	
37	23003007	Đinh Chí	Vinh	Tốt	3,23	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
38	23003049	Trương Minh	Tuấn	Khá	3,50	Khá	103.750	17	1.763.750	19	
39	23003086	Hồ Phước	Kiên	Khá	3,50	Khá	103.750	17	1.763.750	18	
40	23803004	Võ Chí	Hiếu	Khá	3,50	Khá	103.750	17	1.763.750	21	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
----	------	-----------	--	-----------------	----------------------	---------------	--	----------	---------------------------	-------------------------	------------

4.ĐH.CNTT 2023

41	23004167	Trần Huỳnh Đăng	Khoa	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
42	23004198	Nguyễn Tấn	Lộc	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
43	23004202	Lê Minh	Phước	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
44	23004308	Huỳnh Tấn	Đạt	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
45	23004169	Nguyễn Thanh	Khoa	Tốt	3,95	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
46	23004295	Trần Huỳnh	Khôi	Tốt	3,94	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
47	23004166	Nguyễn Ngọc Linh	Đa	Tốt	3,92	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
48	23004071	Trần Vĩnh	Đạt	Tốt	3,90	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
49	23004052	Đoàn Quang	Tín	Tốt	3,89	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
50	23004278	Lê Nguyễn Thanh	Phước	Tốt	3,89	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
51	23004134	Nguyễn Duy	Thịnh	Tốt	3,86	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
52	23004224	Nguyễn Quang	Huy	Tốt	3,86	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
53	23004244	Nguyễn Phi	Bằng	Tốt	3,86	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
54	23004298	Nguyễn Quốc	Khởi	Tốt	3,85	Giỏi	207.500	17	3.527.500	26	
55	23004065	Lê Huỳnh Anh	Duy	Tốt	3,84	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	

5.ĐH.CNTP 2023

56	23805001	Ngô Nguyễn Thị Thu	Vân	Xuất sắc	3,92	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
57	23005113	Nguyễn Thị Bội	Bội	Xuất sắc	3,82	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
58	23005021	Âu Thị Diễm	Trinh	Xuất sắc	3,74	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
59	23005050	Trần Thanh	Trúng	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
60	23005099	Trần Nguyễn Anh	Thư	Xuất sắc	3,64	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	21	

6.ĐH.CNKTCĐT 2023

61	23006021	Lê Minh	Khang	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
62	23006023	Lê Võ Thành	Đạt	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
7.ĐH.CNKTĐK&TĐH 2023											
63	23807001	Huỳnh Hoàng	Quý	Tốt	3,69	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
64	23007022	Nguyễn Huỳnh Nhật	Trường	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
8.ĐH.CNKTCK 2023											
65	23008049	Trần Thanh	Đồng	Xuất sắc	3,91	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	23	
66	23008004	Phan Tiến	Lợi	Tốt	3,88	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
67	23008031	Nguyễn Tiến	Duy	Tốt	3,88	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
68	23808019	Nguyễn Khánh	Tâm	Tốt	3,82	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
69	23008032	Lê Thanh	Phong	Tốt	3,77	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
70	23808010	Nguyễn Văn	Tân	Tốt	3,76	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
9.ĐH.TY 2023											
71	23010104	Phạm Thị Ngọc	Thúy	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	24	
72	23010114	Nguyễn Vũ Yến	Như	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
73	23010127	Võ Quốc	Linh	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
74	23010139	Âu Long	Giang	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	21	
10.ĐH.CTXH 2023											
75	23011003	Phan Thị Hồng	Đăng	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	18	
11.ĐH.CNKTN 2023											
76	23013049	Dương Lâm Duy	Khánh	Xuất sắc	3,62	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	21	
77	23013061	Lê Tuấn	Khải	Tốt	3,79	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
78	23013050	Ngô Minh	Trí	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
12.ĐH.CNSH 2023											
79	23014015	Lê Quỳnh	Như	Xuất sắc	3,61	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	22	
80	23014021	Nguyễn Lê Ngọc Gia	Hân	Tốt	3,73	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
13.ĐH.DL 2023											
81	23015045	Huỳnh Phan Hoàng	Anh	Tốt	3,82	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
14.ĐH.KINH TẾ 2023											
82	23017176	Trần Nguyễn Hạnh	Nguyên	Xuất sắc	3,80	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
83	23017111	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyên	Xuất sắc	3,75	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	18	
84	23017117	Đỗ Ngọc Anh	Thư	Xuất sắc	3,64	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	18	
85	23017126	Phan Minh	Nhật	Xuất sắc	3,61	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	18	
86	23017016	Võ Trần Hạnh	Trinh	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
87	23017112	Trần Phụng	Vi	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
88	23017192	Trần Anh	Thư	Tốt	3,59	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
89	23017148	Nguyễn Quỳnh Thủy	Ngọc	Xuất sắc	3,58	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
15.ĐH.LUẬT 2023											
90	23018001	Nguyễn Hoàng	Dung	Xuất sắc	3,29	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
91	23018030	Cao Thanh	Trí	Xuất sắc	3,24	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
92	23018021	Lê Trọng	Quý	Tốt	3,18	Khá	103.750	17	1.763.750	17	
16.ĐH CKĐL 2023											
93	23019010	Nguyễn Huy	Cường	Khá	3.18	Khá	103.750	17	1.763.750	19	
17.ĐH KTCTXD 2023											
94	23020018	Lê Hữu	Phước	Tốt	3.65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
18. ĐH.QTDVDLVH 2023											
95	23021002	Quách Thị Diệu	Mai	Xuất sắc	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
96	23021022	Huỳnh Hoàng Thúy	Vy	Xuất sắc	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
19. ĐH.KHMT 2023											
97	23022006	Nguyễn Thị Ánh	Như	Tốt	3.08	Khá	103.750	17	1.763.750	20	
20. ĐH.SPCN 2023											
98	23023007	Vũ Nhật	Huy	Xuất sắc	3.86	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	22	
21. ĐH.KTHH 2023											
99	23024007	Võ Yến	Nhi	Xuất sắc	4.00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
22. ĐH.TMĐT 2023											
100	23025018	Trần Lâm Tổ	Như	Tốt	3,76	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
23. ĐH.KTOTO ĐIỆN 2023											
101	23026010	Võ Thành	Trông	Xuất sắc	3,91	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	23	
102	23026052	Phan Tấn	Thành	Xuất sắc	3,91	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	23	
24. ĐH.Logistic&QLCCU 2023											
103	23027001	Lê Trần Phi	Yến	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
25. ĐH. TT ĐPT 2023											
104	23029017	Phạm Tiến	Đạt	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
105	23029033	Trần Thành	Đạt	Xuất sắc	3,65	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	21	
106	23029002	Trương Gia	Yến	Tốt	3,94	Giỏi	207.500	17	3.527.500	25	
26. ĐH. GDH 2023											
107	23030001	Trần Nguyễn Phương Ngân		Xuất sắc	4.00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	17	

Danh sách gồm có 107 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng

BẢO T.

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 49 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2024 - 2025

(Kèm theo quyết định số: 52/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV&TT ngày 15 tháng 10 năm 2025)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
1. ĐH.CNKT OTO 2024											
1	24001378	Nguyễn Quốc	Sĩ	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
2	24001326	Nguyễn Minh	Trọng	Xuất sắc	3,65	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	24	
3	24801022	Nguyễn Hoàng	Phúc	Tốt	3,91	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
4	24801023	Huỳnh Quốc	Thái	Tốt	3,78	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
5	24001501	Hồ Tam	Đệ	Tốt	3,69	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
6	24001507	Lê Trọng	Nhân	Tốt	3,64	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
7	24801018	Tiêu Văn Nu	Em	Tốt	3,61	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
8	24001344	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Tốt	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
9	24001440	Lê Hiếu	Nhân	Tốt	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
10	24801026	Hồ Văn	Phúc	Tốt	3,54	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
11	24001379	Hồ Tấn	Duy	Tốt	3,52	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
12	24001418	Nguyễn Ngọc	Hải	Tốt	3,50	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
13	24001142	Nguyễn Minh	Triết	Tốt	3,47	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
14	24001149	Trần Lương Gia	Toàn	Tốt	3,44	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
15	24001514	Lê Phú	Thịnh	Tốt	3,41	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
16	24001372	Nguyễn Mai	Triệu	Tốt	3,39	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
17	24001395	Nguyễn Quốc	Cường	Tốt	3,38	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
18	24801050	Nguyễn Anh	Tính	Tốt	3,38	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
19	24001080	Lê Thanh Huy	Hùng	Xuất sắc	3,35	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
20	24001530	Bùi Thanh	Đuộm	Tốt	3,33	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
21	24001415	Phan Công	Hậu	Tốt	3,32	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
22	24001041	Phan Thị Tú	Quyên	Xuất sắc	3,29	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
23	24001396	Lê Minh	Huy	Tốt	3,29	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
24	24001019	Nguyễn Thành	Hiệp	Tốt	3,27	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
25	24001431	Phan Hữu	Phúc	Tốt	3,26	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
26	24001367	Nguyễn Phan Minh	Tình	Tốt	3,25	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
27	24001014	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	Tốt	3,21	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
28	24001429	Lê Ngô Quốc	Hùng	Khá	3,52	Khá	103.750	17	1.763.750	24	
29	24001021	Phạm Hữu	Nghĩa	Khá	3,50	Khá	103.750	17	1.763.750	24	
30	24001283	Đặng Nhật	Lâm	Khá	3,47	Khá	103.750	17	1.763.750	20	
31	24001107	Nguyễn Tuấn	Đạt	Khá	3,41	Khá	103.750	17	1.763.750	21	
32	24001284	Đặng Hoàng	Lâm	Khá	3,41	Khá	103.750	17	1.763.750	20	
33	24001443	Nguyễn Lâm Ngọc	Pin	Khá	3,38	Khá	103.750	17	1.763.750	21	
34	24001131	Lê Thanh	Bình	Khá	3,34	Khá	103.750	17	1.763.750	21	

2.ĐH.CNCTM 2024

35	24002001	Trần Tấn	Tài	Tốt	3,69	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
----	----------	----------	-----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

3.ĐH.CNKTDĐT 2024

36	24803001	Bạch Ngọc Tiến	Duy	Xuất sắc	3,75	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
37	24003011	Lê	Tài	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
38	24803004	Trần Ngọc	Quý	Tốt	4,00	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
39	24803005	Nguyễn Lê Nhất	Duy	Tốt	3,92	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
40	24803009	Trần Nhật	Khanh	Tốt	3,92	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
4.ĐH.CNTT 2024											
41	24004279	Phùng Tiến	Đạt	Tốt	3,81	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
42	24004061	Biện Thị Kim	Khánh	Tốt	3,72	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
43	24004119	Nguyễn Hoàng	Kha	Tốt	3,67	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
44	24004226	Lê Hoàng	Thịnh	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
45	24004282	Nguyễn Hữu	Kha	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
46	24004094	Võ Nhựt	Thái	Tốt	3,61	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
47	24004050	Nguyễn Thành	Quý	Tốt	3,58	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
48	24004011	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Tốt	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
49	24004052	Trương Thiên	Bảo	Tốt	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
50	24004117	Lâm Khánh	Ngọc	Tốt	3,50	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
51	24004232	Lê Đăng	Khôi	Tốt	3,37	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
52	24004043	Huỳnh Hoài	Thu	Tốt	3,36	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
53	24004060	Lê Minh	Khang	Tốt	3,36	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
54	24004016	Đỗ Hoàng	Danh	Tốt	3,34	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
55	24004160	Lư Trí	Bảo	Tốt	3,34	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
56	24004204	Nguyễn Minh	Khang	Tốt	3,34	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
57	24004220	Nguyễn Minh	Tiến	Tốt	3,34	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
5.ĐH.CNTP 2024											
58	24005010	Lê Yên	Thư	Tốt	3,69	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
59	24005001	Nguyễn Duy	Tân	Tốt	3,67	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
60	24005045	Võ Ánh	Nhung	Tốt	3,67	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
61	24005061	Dương Gia	Bảo	Tốt	3,67	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
62	24005025	Trần Thị Phương	Quyên	Tốt	3,64	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
63	24005028	Trương Thị Hồng	Diệp	Tốt	3,64	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	

11.DH.CNKTN 2024

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
83	24013075	Lê Hải	Đăng	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
84	24013053	Nguyễn Minh	Thuận	Tốt	3,58	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	
85	24013023	Nguyễn Quốc Trung	Nguyên	Tốt	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
86	24013037	Phan Ngô Tâm	Thuận	Tốt	3,56	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
87	24013061	Đỗ Hoàng	Phúc	Tốt	3,55	Giỏi	207.500	17	3.527.500	21	

12.ĐH.CNSH 2024

88	24014008	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	Xuất sắc	3,75	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
----	----------	----------------	------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

13.ĐH.DL 2024

89	24015011	Lê Nguyễn Bảo	Ni	Tốt	3,87	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
90	24015012	Vô Kim	Ngân	Tốt	3,87	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	

14.ĐH.KINH TẾ 2024

91	24017155	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
92	24017153	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Xuất sắc	3,74	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
93	24017037	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
94	24017005	Lê Thanh	Huệ	Tốt	3,89	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
95	24017101	Nguyễn Tuyết	Nhi	Tốt	3,66	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
96	24017064	Nguyễn Tấn	Trung	Tốt	3,64	Giỏi	207.500	17	3.527.500	26	
97	24017054	Nguyễn Tấn	Lộc	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
98	24017074	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	Tốt	3,62	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	

15.ĐH.LUẬT 2024

99	24018078	Nguyễn Quốc	Trung	Tốt	3,70	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
100	24018073	Phan Ngọc	Hân	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
101	24018054	Bùi Thị Mỹ	Duyên	Tốt	3,40	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
102	24018027	Lê Thị Cẩm	Tiên	Tốt	3,31	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
103	24018039	Hà Phương	Duyên	Khá	3,44	Khá	103.750	17	1.763.750	18	
104	24018080	Lê Minh	Thiện	Khá	3,41	Khá	103.750	17	1.763.750	19	

16.ĐH.CNKT CKĐL 2024

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
105	24019004	Trương Thanh	Toàn	Tốt	3,73	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	

17.ĐH.KTCTXD 2024

106	24020002	Lê Gia	Quy	Tốt	3,57	Giỏi	207.500	17	3.527.500	23	
-----	----------	--------	-----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

18.ĐH.QTDVDLVLH 2024

107	24021010	Bùi Thị Nguyễn	Linh	Tốt	3,84	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
108	24021012	Huỳnh Nguyễn Anh	Thư	Tốt	3,84	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
109	24021040	Huỳnh	Như	Tốt	3,84	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	

19.ĐH.KHMT 2024

110	24022016	Nguyễn Thanh	Tân	Xuất sắc	3,53	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
-----	----------	--------------	-----	----------	------	------	---------	----	-----------	----	--

20.ĐH.SPCN 2024

111	24023023	Võ Thị Tâm	Như	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	23	
-----	----------	------------	-----	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

21.ĐH.KTHH 2024

112	24024002	Nguyễn Thị Phương	Anh	Xuất sắc	3,65	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
-----	----------	-------------------	-----	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

22.ĐH.TMĐT 2024

113	24025010	Nguyễn Như	Hào	Tốt	3,43	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	
114	24025017	Nguyễn Trần Xuân	Hồng	Tốt	3,26	Giỏi	207.500	17	3.527.500	24	

23.ĐH.KTOTO ĐIỆN 2024

115	24026054	Thái Hoàng Đan	Khôi	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	19	
116	24026064	Nguyễn Thanh	Nguyên	Tốt	3,82	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
117	24026019	Phạm Thành	Nhân	Tốt	3,70	Giỏi	207.500	17	3.527.500	25	
118	24026028	Lương Văn Thiên	Phúc	Tốt	3,65	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	
119	24026001	Trần Nguyễn Hoài	Dư	Tốt	3,59	Giỏi	207.500	17	3.527.500	17	
120	24026017	Nguyễn Minh	Trí	Tốt	3,59	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
121	24026025	Đào Tuấn	Khang	Xuất sắc	3,59	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	

24.ĐH.Logistic&QLCCU 2024

122	24027011	Huỳnh Minh	Quang	Xuất sắc	3,68	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	18	
-----	----------	------------	-------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
123	24227003	Trần Huỳnh	Trâm	Xuất sắc	3,64	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	21	

25. ĐH.KDQT 2024

124	24028003	Cao Thị Ngọc	Kiều	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
-----	----------	--------------	------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

26. ĐH. TT ĐPT 2024

125	24029094	Trần Lê Ngọc	Hân	Xuất sắc	3,74	Xuất sắc	311.250	17	5.291.250	20	
126	24029095	Nguyễn Ngọc Thảo	Sương	Tốt	3,87	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
127	24029015	Dương Huỳnh Thảo	Nguyên	Tốt	3,76	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
128	24029113	Phạm Phú	Trọng	Tốt	3,76	Giỏi	207.500	17	3.527.500	20	
129	24029036	Nguyễn Trần Bảo	Vy	Tốt	3,72	Giỏi	207.500	17	3.527.500	19	
130	24029013	Lê Hùng	Minh	Tốt	3,71	Giỏi	207.500	17	3.527.500	22	

27. ĐH.GDH 2024

131	24030003	Lê Mẫn	Nghi	Xuất sắc	3.53	Giỏi	207.500	17	3.527.500	18	
-----	----------	--------	------	----------	------	------	---------	----	-----------	----	--

Danh sách gồm có 131 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng